

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhi;
Ông Trương Trọng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 216/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/8/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên;

- Bị đơn: Chị Châu Thị Như Y, sinh năm 2002;

Nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà Bùi Thị S, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

(Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày:**

- Quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị Như Y và anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn A vào năm 2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Y, anh T sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 6/2024, chị Y bỏ đi nơi khác sống; từ đó, không ai còn quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình cảm đã hết, nên anh T xin được ly hôn chị Y.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Khánh A, sinh ngày 23/6/2023, hiện do anh T nuôi dưỡng. Anh T xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh T không yêu cầu gì khác.

* **Bị đơn chị Châu Thị Như Y** đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có bản trình bày ý kiến, không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Châu Thị Như Y, anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 18/01/2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Anh T khai trong quá trình chung sống, hai bên có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đã tự sống riêng từ tháng 6/2024 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Người làm chứng bà Bùi Thị S khai vợ chồng chị Y, anh T có mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc, đã tự sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai là sự thật.

Mặt khác, chị Y đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh T, chị Y đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh T: Anh Trần Ngọc T được ly hôn chị Châu Thị Như Y.

[3] Về con chung:

Có 01 con chung tên Trần Ngọc Khánh A, sinh ngày 23/6/2023.

Xét: Cháu A hiện nay do anh T nuôi dưỡng, đã quen sống cùng anh T nên để cháu A phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung Trần Ngọc Khánh A cho anh Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh T làm nghề thợ mộc, có sức khỏe, thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không buộc chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Ngọc T phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Anh Trần Ngọc T được ly hôn chi Châu Thị Như Y.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Khánh A, sinh ngày 23/6/2023 cho anh Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Châu Thị Như Y không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Anh Trần Ngọc T phải chịu: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000980 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, anh Trần Ngọc T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã thị trấn A
(*GĐKKH số 11/2022, ngày 18/01/2022*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Huệ